

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÙNG KHÁNH  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08 /2018/HNGĐ - ST

Ngày 07/5/2018

V/v: Ly hôn giữa chị B và anh H

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH – TỈNH CAO BẰNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông La Văn Viên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Lương Ngọc Cảnh;

2. Bà: Bế Thị Bằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Công Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa:** Ông Nông Ích Bộ - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh xét xử công khai vụ án thụ lý số 10/2018/TLST – HNGĐ, ngày 05 tháng 03 năm 2018 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXX - ST ngày 09 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự.

*1. Nguyên đơn:* Mông Thị B, sinh năm 1968;

Địa chỉ: xóm N T- xã Đ H - huyện T K - tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt)

*2. Bị đơn:* Triệu Văn H, sinh năm 1967;

Địa chỉ : xóm N T - xã Đ H– huyện T K – tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt)

3. Người có quyền và lợi ích được bảo vệ:

- Triệu Văn L, Sinh ngày 20/11/2004.

Địa chỉ : xóm N T - xã Đ H– huyện T K – tỉnh C B.

(Vắng mặt) có lý do

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phòng giao dịch Ngân hàng CS huyện T K. Bà Hoàng Thu P, chức vụ giám đốc.

(Có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 02 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Mông Thị B trình bày như sau: Tôi (B) kết hôn với anh Triệu Văn H vào năm 1993, Việc kết hôn trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, có giấy đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ H, huyện T K, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn vợ chồng có tình cảm sống hoà thuận, hạnh phúc, đã có thời gian sống chung và có 01 con chung đặt tên là Triệu Văn L sinh ngày 20/11/2004.

Nguyên nhân lý do tôi xin ly hôn là vì trong thời gian sống chung vợ chồng không được hoà thuận, vợ chồng sống không hạnh phúc đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, tôi xác định không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa vì anh H có tính vũ phu đánh đập tôi nhiều lần, mặc dù đã được anh em hàng xóm can ngăn nhưng anh H vẫn chứng nào tật đấy. Ngày 01 tháng 01 năm 2018 âm lịch anh H xin tiền tôi, tôi không cho anh H đã đánh đập và lôi tôi ra khỏi nhà. Do đó hạnh phúc gia đình không đạt được nên tôi xin ly hôn. Chúng tôi chính thức cắt đứt quan hệ vợ chồng từ ngày 01/01/ 2018 đến nay.

Về tài sản chung: Trong thời gian sống chung xây được 01 căn nhà liền đất diện tích 279m<sup>2</sup> thửa đất số 42 tờ bản đồ số 01 và 3 đám ruộng tại khu vực N T (02 đám mua với B Đ, 01 đám mua với bà N) và một số đất đai do bố mẹ để lại đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Triệu Văn H và Mông Thị B.

Về khoản nợ chung: Tại thời điểm mua sắm, làm nhà chúng tôi đã vay Ngân hàng C S 50.000.000đ hiện nay chưa trả được.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Triệu Văn H; Về con chung tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con Triệu Văn L và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết

mà để lại cho con. Về khoản nợ Ngân hàng chính sách 50.000.000đ tôi sẽ có trách nhiệm trả.

*Tại bản lấy lời khai đề ngày 21 tháng 03 năm 2018 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Triệu Văn H trình bày như sau: Xác nhận về thời gian kết hôn, việc kết hôn, đăng ký kết hôn, tài sản và con chung đúng nh chị B đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng có tình cảm, có thời gian sống chung và đã có một con chung đặt tên cháu là Triệu Văn L sinh ngày 20/11/2004 hiện nay con ở với anh H.*

Nguyên nhân, lý do chị B xin ly hôn tôi: Năm 2011 chị vi phạm pháp luật bị đi tù và đến năm 2016 chị mãn hạn tù về nhà, nay chị làm đơn xin ly hôn tôi vì lý do gì tôi không biết. Chính thức cắt đứt quan hệ vợ chồng từ lúc chị đi tù năm 2011 đến nay.

Tài sản hồi môn ngày cưới không có gì, Tài sản chung gồm có 01 ngôi nhà cấp 4, 01 đám ruộng, 01 đám rẫy, tài sản riêng không có.

Nay chị B yêu cầu xin ly hôn với tôi, tôi không đồng ý và yêu cầu Tòa án hòa giải cho tôi được đoàn tụ lại gia đình để cùng nhau nuôi dạy con cái.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh phát biểu quan điểm:*

Qua nghiên cứu hồ sơ thấy rằng, về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con chung. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T K, tỉnh Cao Bằng.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 436, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Mông Thị B yêu cầu xin ly hôn với anh Triệu Văn H .

- Về án phí chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe các đương sự trình bày tại phiên tòa, *Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng dân sự: Chị B và anh H có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Chị B có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện T K, tỉnh Cao Bằng giải quyết việc hôn nhân của anh chị. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Chị B và anh H là quan hệ hợp pháp, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 11 năm 2013 tại UBND xã Đ H, huyện T K, tỉnh Cao Bằng. Xét thấy, về mặt tình cảm vợ chồng, thực tế đã có cuộc sống chung, có thời gian sống chung thời gian đầu rất hạnh phúc và đã có với nhau 01 con chung đặt tên là Triệu Văn L sinh ngày 20/11/2004.

Nguyên nhân, lý do xin ly hôn theo chị B trình bày là do: Trong thời gian sống chung vợ chồng không được hoà thuận, hay xảy ra mâu thuẫn, vì anh H có tính vũ phu đánh đập chị nhiều lần, mặc dù đã được anh em hàng xóm can ngăn nhưng anh H vẫn chứng nào tật đấy. Đặc biệt ngày 01/01/2018 (âm lịch) anh H đã dùng cây đánh chị B và lôi chị ra khỏi nhà. Nay chị B cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có hạnh phúc không thể tiếp tục chung sống với anh H được nữa nên chị B xin ly hôn. Chính thức cắt đứt quan hệ vợ chồng sống ly thân từ ngày 01/01/2018 (Âm lịch) đến nay.

Tại phiên hòa giải anh H trình bày: Năm 2011 chị Mông Thị B vi phạm pháp luật đi chấp hành hình phạt tù và đến năm 2016 chị B chấp hành xong hình phạt tù về nhà, nay chị làm đơn xin ly hôn anh H vì lý do gì anh H không biết, chính thức cắt đứt quan hệ vợ chồng từ lúc chị đi tù năm 2011 đến nay.

Tại phiên tòa anh H nhất trí ly hôn với chị B và chị B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo khả năng của chị.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị B không còn tình cảm với anh H, chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Xét thấy chị B và anh H đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay không còn tình cảm vợ chồng, anh H và chị B không thể hàn gắn quay lại sống chung với nhau được nữa và anh chị đã tự cắt đứt quan hệ vợ chồng trong một thời gian dài. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh chị không

còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị B làm đơn xin ly hôn với anh H là có căn cứ, đúng pháp luật và đúng với các quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

[3] *Về con chung*: Chị Mông Thị B và anh Triệu Văn H nhất trí vì con đã lớn nên theo nguyện vọng của con Triệu Văn L sinh ngày 20/11/2004 và muốn được ở với Bố.

[4] *Về tài sản chung*: Một ngôi nhà cấp 4 gắn liền đất diện tích 279m<sup>2</sup> thửa đất số 42 tờ bản đồ số 01, mua 03 đám ruộng tại khu vực N Th, một số đất đai do bố mẹ để lại đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Triệu Văn H và Mông Thị B, chị Mông Thị B không yêu cầu chia để lại cho con Triệu Văn L sinh ngày 20/11/2004 trú tại xóm N T, xã Đ H, huyện T K, tỉnh Cao Bằng.

Về khoản nợ chung: tại thời điểm mua sắm, làm nhà vay Ngân hàng CS 50.000.000đ chị Mông Thị B tự nguyện có trách nhiệm trả.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị B là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Chị B và anh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 54, Điều 55, khoản 1 Điều 56 Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về thu nộp án phí, lệ phí Tòa án.

*1. Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận chị Mông Thị B và anh Triệu Văn H tự nguyện thuận tình ly hôn.

2. *Về con chung*: Giao cháu Triệu Văn L sinh ngày 20/11/2004 cho anh Triệu Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Chị B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 6 năm 2018.

3. *Về tài sản chung*: Một ngôi nhà cấp 4 gắn liền đất diện tích 279m<sup>2</sup> thửa đất số 42 tờ bản đồ số 01, mua 03 đám ruộng tại khu vực N T, một số đất đai do bố mẹ để lại đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Triệu Văn H và Mông Thị B, chị Mông Thị B không yêu cầu chia để lại cho con Triệu Văn L sinh ngày 20/11/2004 trú tại xóm N T, xã Đ H, huyện T K, tỉnh Cao Bằng. Thời gian cháu đang ở tuổi vị thành niên giao cho anh H (Bố đẻ) quản lý.

Về khoản nợ chung: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) vay Ngân hàng CS huyện T K chị Mông Thị B có trách nhiệm trả.

4. Về án phí: Chị B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự và 300.000đ án phí cấp dưỡng. Xác nhận chị B đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T K theo Biên lai số AB/2012/00946 ngày 05 tháng 03 năm 2018. Chị Mông Thị B còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi sung công quỹ nhà nước

5. Báo cho các đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND – TK;
- THADS – TK;
- UBND xã Đức Hồng;
- Các đương sự, người có quyền Lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**La Văn Viên**

